

Bản án số: 17/2020/HS-ST
Ngày 14-01-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Hồng Gấm;
2. Bà Nguyễn Thị Bửu Huệ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn thị Tố Anh, là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thắng Lợi - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 473/2019/TLST-HS ngày 27 tháng 12 năm 2019 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2020/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 01 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Lê Quang T, sinh năm 1990 tại tỉnh Hà Tĩnh; thường trú: Thôn 11, xã C, huyện C, tỉnh H; nghề nghiệp: Tài xế; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Lê Quang H, sinh năm 1963 và bà Hồ Thị H, sinh năm 1965; bị cáo có 02 em ruột, lớn sinh năm 1991, nhỏ sinh năm 1995; có vợ tên Hà Thị D, sinh năm 1993 và 02 con, lớn sinh năm 2013, nhỏ sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ ngày 02/9/2019; ngày 11/9/2019 được áp dụng biện pháp ngăn chặn bằng hình thức cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

2. Huỳnh Văn N, sinh năm 1989 tại tỉnh Bình Định; thường trú: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh B; nghề nghiệp: Tài xế; trình độ học vấn: Lớp 10/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Huỳnh Văn T, sinh năm 1954 và bà Đào Thị L, sinh năm 1956; bị cáo có 03 anh em ruột, lớn nhất sinh năm 1983, nhỏ nhất sinh năm 1994; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ ngày 02/9/2019; ngày 11/9/2019 được áp dụng biện pháp ngăn chặn bằng hình thức cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

3. Nguyễn Văn N, sinh năm 1996 tại tỉnh Hà Tĩnh; thường trú: Xóm 8, xã H, huyện H, tỉnh H; nghề nghiệp: Phụ xe; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Hồng S, sinh năm 1965 và bà Trần Thị S, sinh năm 1967; bị cáo có 03 anh chị ruột, lớn nhất sinh năm 1989, nhỏ nhất sinh năm 1994; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ ngày 02/9/2019; ngày 11/9/2019 được áp dụng biện pháp ngăn chặn bằng hình thức cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

4. Nguyễn Tấn Đ, sinh năm 1989 tại tỉnh Quảng Ngãi; thường trú: Xóm A, xã Đ, huyện M, tỉnh Q; tam trú: 69 Phùng Chí K, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1958 và bà Trần Thị T, sinh năm 1960; bị cáo có 02 anh em ruột, lớn sinh năm 1981, nhỏ sinh năm 1995; có vợ tên Cao Thị Thúy H, sinh năm 1994; có 02 con, lớn sinh năm 2014, nhỏ sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ ngày 02/9/2019; ngày 11/9/2019 được áp dụng biện pháp ngăn chặn bằng hình thức cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

5. Bùi Văn H, sinh năm 1988 tại tỉnh Hà Tĩnh; thường trú: Xóm T, xã H, huyện H, tỉnh H; nghề nghiệp: Phụ xe; trình độ học vấn: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Bùi Công T, đã chết và bà Đinh Thị D, sinh năm 1954; bị cáo có 07 anh chị em ruột, lớn sinh năm 1976, nhỏ nhất sinh năm 1995; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ ngày 02/9/2019; ngày 11/9/2019 được áp dụng biện pháp ngăn chặn bằng hình thức cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

6. Nguyễn Mạnh Đ, sinh năm 1990 tại tỉnh Hà Tĩnh; thường trú: Xóm 3, xã P, huyện H, tỉnh H; nghề nghiệp: Tài xế; trình độ học vấn: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Tiến M, sinh năm 1964 và bà Trần Thị B, sinh năm 1968; bị cáo có 02 anh em ruột, lớn sinh năm 1987, nhỏ sinh năm 1998; có vợ tên Lê Thị Thanh K, sinh năm 1989; có 02 con, lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ ngày 02/9/2019; ngày 11/9/2019 được áp dụng biện pháp ngăn chặn bằng hình thức cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

7. Hoàng Quốc V, sinh năm 1986 tại tỉnh Hà Tĩnh; thường trú: Xóm T, xã H, huyện H, tỉnh H; nghề nghiệp: Phụ xe; trình độ học vấn: Lớp 11/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Hoàng Văn S, sinh năm 1962 và bà Trần Thị H, sinh năm 1963; bị cáo có 02 em ruột, lớn sinh năm 1989, nhỏ sinh năm 1992; có 01 con sinh năm 2007; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ ngày 02/9/2019; ngày 11/9/2019 được áp dụng biện pháp ngăn chặn bằng hình thức cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

8. Phạm Xuân S, sinh năm 1992 tại tỉnh Nghệ An; thường trú: Xóm 1, xã C, huyện Y, tỉnh N; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Phạm Xuân C, sinh năm 1968 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1969; bị cáo có 01 em ruột sinh năm 1994; có vợ tên Nguyễn Thị L, sinh năm 1995; có 01 con sinh năm 2008; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ ngày 02/9/2019; ngày 11/9/2019 được áp dụng biện pháp ngăn chặn bằng hình thức cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt.

9. Nguyễn V, sinh năm 1987 tại tỉnh Bình Định; thường trú: Thôn Đ, xã V, huyện V, tỉnh B; nghề nghiệp: Tài xế; trình độ học vấn: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1957 và bà Lê Thị L, sinh năm 1959; bị cáo có 03 chị ruột, lớn nhất sinh năm 1980, nhỏ nhất sinh năm 1985; có 01 con sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giam từ ngày 02/9/2019, có mặt.

10. Cao Đăng V, sinh năm 1980 tại tỉnh Nghệ An; thường trú: xóm 12, xã D, huyện D, tỉnh N; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Cao Đăng B, sinh năm 1947 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1954; bị cáo có 02 em ruột, lớn sinh năm 1982, nhỏ sinh năm 1989; có vợ tên Cao Thị M, sinh năm 1980; có 01 con sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Bản án số 13/HSST ngày 30/3/2004, Tòa án nhân dân huyện E xử phạt 09 tháng tù về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, chấp hành hình phạt ngày 30/9/2004 và đã đóng án phí; bị tạm giam từ ngày 02/9/2019, có mặt.

11. Đặng Văn T, sinh năm 1988 tại Vĩnh Phúc; thường trú: Thôn K, xã H, huyện Y, tỉnh V; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Đặng Văn S, sinh năm 1961 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1965; bị cáo có 01 chị ruột sinh năm 1986; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giam từ ngày 02/9/2019, có mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Anh Hoàng Văn H, sinh năm 1990; vắng mặt.
2. Anh Lê Trọng T, sinh năm 1988; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Huỳnh Văn N, Lê Quang T, Bùi Văn H, Đặng Văn T, Nguyễn Tấn Đ, Nguyễn Mạnh Đ, Cao Đăng V, Hoàng Quốc V, Nguyễn Văn N, Phạm Xuân S, Nguyễn V là bạn bè quen biết. Vào khoảng 10 giờ ngày 02/9/2019 tại quán T thuộc khu phố T, phường D, thị xã D, tỉnh Bình Dương, tất cả rủ nhau đánh bạc thắng thua bằng tiền dưới hình thức lắc bầu cua trên điện thoại di động hiệu Lanovo PB1 – 750M của Huỳnh Văn N, mỗi ván đặt tiền từ 50.000 đồng đến 200.000 đồng, thay phiên nhau làm cái. Cả nhóm chơi đến 11 giờ 00 phút cùng ngày thì bị lực lượng Công an phường Dĩ An kết hợp cùng Công an thị xã Dĩ An phát hiện bắt quả tang, thu giữ tiền tang 1.500.000 đồng và 01 điện thoại di động hiệu Lanovo PB1 – 750M.

Quá trình điều tra xác định số tiền đánh bạc và vai trò của từng người như sau:

- Huỳnh Văn N mang theo 5.200.000 đồng và sử dụng 1.000.000 đồng để đánh bạc. Quá trình chơi thắng 1.000.000 đồng, khi bắt giữ thu trên chiếu bạc 200.000 đồng và thu trong người 6.000.000 đồng.

- Lê Quang T mang theo và sử dụng 900.000 đồng để đánh bạc, quá trình chơi thua 200.000 đồng, khi bắt giữ thu trên chiếu bạc 100.000 đồng và thu trong người 600.000 đồng.

- Bùi Văn H mang theo 2.600.000 đồng và sử dụng 600.000 đồng để đánh bạc. Quá trình chơi thua 400.000 đồng, khi bắt giữ thu trên chiếu bạc 200.000 đồng và thu trong người 2.000.000 đồng.

- Đặng Văn T mang theo và sử dụng 500.000 đồng để đánh bạc. Quá trình chơi thua 300.000 đồng, khi bắt giữ thu trên chiếu bạc 200.000 đồng.

- Nguyễn Tấn Đ mang theo 8.600.000 đồng và sử dụng 2.600.000 đồng để đánh bạc. Quá trình chơi thua 100.000 đồng, khi bắt giữ thu trên chiếu bạc 100.000 đồng và thu trong người 8.400.000 đồng.

- Nguyễn Mạnh Đ mang theo 4.450.000 đồng và sử dụng 1.600.000 đồng đánh bạc. Quá trình chơi thua 300.000 đồng, khi bắt giữ thu trên chiếu bạc 200.000 đồng và thu trong người 3.950.000 đồng.

- Cao Đăng V mang theo và sử dụng 1.300.000 đồng để đánh bạc. Quá trình chơi thua 200.000 đồng, khi bắt giữ thu trên chiếu bạc 100.000 đồng và thu trong người 1.000.000 đồng.

- Hoàng Quốc V mang theo 4.400.000 đồng và sử dụng 800.000 đồng để đánh bạc. Quá trình chơi thua 200.000 đồng, khi bắt giữ thu trên chiếu bạc 200.000 đồng và thu trong người 4.000.000 đồng.

- Nguyễn Văn N mang theo 3.000.000 đồng và sử dụng 2.600.000 đồng để đánh bạc. Quá trình chơi thắng 700.000 đồng, khi bắt giữ thu trên chiếu bạc 200.000 đồng và thu trong người 3.500.000 đồng.

- Phạm Xuân S mang theo và sử dụng 1.400.000 đồng để đánh bạc. Quá trình chơi thua 100.000 đồng, khi bắt giữ thu trong người 1.300.000 đồng.

- Nguyễn V mang theo và sử dụng 640.000 đồng để đánh bạc. Quá trình chơi thắng 100.000 đồng, khi bắt giữ thu trong người 740.000 đồng.

Tổng số tiền các bị cáo sử dụng đánh bạc: 13.940.000 đồng (trong đó tiền tang 1.500.000 đồng).

Đối với anh Hoàng Văn H chủ quán cà phê T không biết các bị cáo đánh bạc trong quán cà phê nên cơ quan cảnh sát điều tra công an thị xã Dĩ An không xử lý.

Cơ quan cảnh sát điều tra công an thị xã Dĩ An đã trả lại cho Huỳnh Văn N số tiền 4.200.000 đồng, Bùi Văn H số tiền 2.000.000 đồng, Nguyễn Tấn Đ số tiền 6.000.000 đồng, Nguyễn Mạnh Đ số tiền 2.850.000 đồng, Hoàng Quốc V số tiền 3.600.000 đồng, Nguyễn Văn N số tiền 400.000 đồng, vì đây là tiền tư vật của các bị cáo, không sử dụng vào việc đánh bạc.

Đối với số tiền 13.940.000 đồng và 01 điện thoại di động hiệu Lanovo PB1 – 750M của Huỳnh Văn N sử dụng vào việc phạm tội cần tịch thu sung Ngân sách Nhà nước.

Cáo trạng số 28/CT-VKS ngày 26 tháng 12 năm 2019 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương truy tố các bị cáo Huỳnh Văn N, Lê Quang T, Bùi Văn H, Nguyễn Tấn Đ, Nguyễn Mạnh Đ, Hoàng Quốc V, Nguyễn Văn N, Phạm Xuân S, Đặng Văn T, Cao Đăng V, Nguyễn V về tội đánh bạc theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36; Điều 58 Bộ luật Hình sự; đề nghị xử phạt các bị cáo Huỳnh Văn N, Lê Quang T, Bùi Văn H, Nguyễn Tấn Đ, Nguyễn Mạnh Đ, Hoàng Quốc V, Nguyễn Văn N, Phạm Xuân S, Đặng Văn T, Nguyễn V, mỗi bị cáo với mức án từ 13 tháng đến 15 tháng cải tạo không giam; áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 36; Điều 58 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt Cao Đăng V mức án từ 13 tháng đến 15 tháng cải tạo không giam giữ.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên tịch thu sung ngân sách nhà nước số tiền 13.940.000 đồng và 01 điện thoại di động hiệu Lanovo PB1 – 750M do các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội.

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, không tranh luận, đối đáp và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Dĩ An, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Việc tạm giữ các bị cáo sau đó thay đổi biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú là đúng quy định. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến

hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Quá trình điều tra, người làm chứng không có ý kiến gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Vào khoảng 10 giờ, ngày 02/9/2019, tại quán cà phê T thuộc khu phố T, phường D, thị xã D, tỉnh B, các bị cáo Huỳnh Văn N, Lê Quang T, Bùi Văn H, Nguyễn Tấn Đ, Nguyễn Mạnh Đ, Hoàng Quốc V, Nguyễn Văn N, Phạm Xuân S, Đặng Văn T, Cao Đăng V, Nguyễn V đã tham gia đánh bạc thắng thua bằng tiền, hình thức chơi bầu cua trên điện thoại di động, mỗi ván đặt tiền từ 50.000 đồng đến 200.000 đồng, thay phiên nhau làm cái. Tổng số tiền đánh bạc là 13.940.000 đồng.

[3] Như vậy, hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự. Do đó, Cáo trạng số: 28/CT-VKS ngày 26 tháng 12 năm 2019 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương và luận tội của Kiểm sát viên đề nghị đối với các bị cáo là có căn cứ đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Tính chất, mức độ của hành vi: Tội phạm do các bị cáo thực hiện tuy là ít nghiêm trọng nhưng đã xâm phạm trật tự công cộng, trật tự xã hội. Về ý thức chủ quan, các bị cáo nhận thức rõ hành vi đánh bạc thắng thua bằng tiền là vi phạm pháp luật, bị Nhà nước nghiêm cấm nhưng vì tham lam tư lợi các bị cáo đã cố tình thực hiện. Vì vậy, cần xử phạt các bị cáo mức án tương xứng với tính chất, mức độ tội phạm đã thực hiện, có xét đến vai trò của các bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo đủ để giáo dục, cải tạo và có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung.

[5] Đây là vụ án có đồng phạm nhưng là đồng phạm giản đơn, các bị cáo tham gia với vai trò là người thực hành.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Các bị cáo Huỳnh Văn N, Lê Quang T, Bùi Văn H, Nguyễn Tấn Đ, Nguyễn Mạnh Đ, Hoàng Quốc V, Nguyễn Văn N, Phạm Xuân S, Đặng Văn T, Nguyễn V phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[8] Về nhân thân: Các bị cáo đều là người có nhân thân tốt, có việc làm ổn định, chưa có tiền án, tiền sự, hoàn cảnh gia đình khó khăn. Riêng Cao Đăng V có nhân thân xấu, đã bị Tòa án xét xử về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản, xóa án tích nhưng lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội.

[9] Xét thấy, bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng, nhất thời phạm tội, trong thời gian tại ngoại, bị cáo chấp hành tốt chính sách pháp luật của địa phương. Vì vậy, không cần cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội và việc áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo cũng đủ để giáo dục, răn đe, cải tạo bị cáo cũng như trong việc đấu tranh phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội. Xét bị cáo là lao động chính trong gia đình, có thu nhập không ổn định, không xác định được. Hủy bỏ lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 184/2019/HSST-LCĐKNCT, 185/2019/HSST-LCĐKNCT, 186/2019/HSST-LCĐKNCT, 187/2019/HSST-LCĐKNCT, 188/2019/HSST-LCĐKNCT, 189/2019/HSST-LCĐKNCT, 190/2019/HSST-LCĐKNCT, 191/2019/HSST-LCĐKNCT, ngày 27/12/2019 của Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

[10] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự thì “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”. Vì vậy, Hội đồng xét xử buộc các bị cáo phải đóng theo quy định của pháp luật.

[11] Về xử lý vật chứng và áp dụng biện pháp tư pháp:

Xét số tiền 13.940.000 đồng và 01 điện thoại di động hiệu Lanovo PB1 – 750M các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc, cần tịch thu sung Ngân sách Nhà nước.

[12] Đối với anh Hoàng Văn H chủ quán cà phê T không biết các bị cáo đánh bạc nên cơ quan cảnh sát điều tra công an thị xã Dĩ An không xử lý là phù hợp.

[13] Xét đề nghị của Đại diện viện kiểm sát là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[14] Án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải nộp theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a, khoản 1 điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Huỳnh Văn N, Lê Quang T, Bùi Văn H, Nguyễn Tấn Đ, Nguyễn Mạnh Đ, Hoàng Quốc V, Nguyễn Văn N, Phạm Xuân S, Đặng Văn T, Cao Đăng V, Nguyễn V phạm Tội đánh bạc.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36; Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Huỳnh Văn N 01 (một) năm 01 (một) tháng cải tạo không giam giữ; được khấu trừ thời gian tạm giữ 10 (mười) ngày, từ ngày 02/9/2019 đến ngày 11/9/2019, tương đương 01 (một) tháng cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 01 (một) năm cải tạo không giam giữ.

Xử phạt bị cáo Lê Quang T 01 (một) năm 01 (một) tháng cải tạo không giam giữ; được khấu trừ thời gian tạm giữ 10 (mười) ngày, từ ngày 02/9/2019 đến ngày 11/9/2019, tương đương 01 (một) tháng cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 01 (một) năm cải tạo không giam giữ.

Xử phạt bị cáo Bùi Văn H 01 (một) năm 01 (một) tháng cải tạo không giam giữ; được khấu trừ thời gian tạm giữ 10 (mười) ngày, từ ngày 02/9/2019 đến ngày 11/9/2019, tương đương 01 (một) tháng cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 01 (một) năm cải tạo không giam giữ.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn Đ 01 (một) năm 01 (một) tháng cải tạo không giam giữ; được khấu trừ thời gian tạm giữ 10 (mười) ngày, từ ngày 02/9/2019 đến ngày 11/9/2019, tương đương 01 (một) tháng cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 01 (một) năm cải tạo không giam giữ.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Mạnh Đ 01 (một) năm 01 (một) tháng cải tạo không giam giữ; được khấu trừ thời gian tạm giữ 10 (mười) ngày, từ ngày 02/9/2019 đến ngày 11/9/2019, tương đương 01 (một) tháng cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 01 (một) năm cải tạo không giam giữ.

Xử phạt bị cáo Hoàng Quốc V 01 (một) năm 01 (một) tháng cải tạo không giam giữ; được khấu trừ thời gian tạm giữ 10 (mười) ngày, từ ngày 02/9/2019 đến ngày

11/9/2019, tương đương 01 (một) tháng cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 01 (một) năm cải tạo không giam giữ.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N 01 (một) năm 01 (một) tháng cải tạo không giam giữ; được khấu trừ thời gian tạm giữ 10 (mười) ngày, từ ngày 02/9/2019 đến ngày 11/9/2019, tương đương 01 (một) tháng cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 01 (một) năm cải tạo không giam giữ.

Xử phạt bị cáo Phạm Xuân S 01 (một) năm 01 (một) tháng cải tạo không giam giữ; được khấu trừ thời gian tạm giữ 10 (mười) ngày, từ ngày 02/9/2019 đến ngày 11/9/2019, tương đương 01 (một) tháng cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 01 (một) năm cải tạo không giam giữ.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36; Điều 58 Bộ luật Hình sự; Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự.

Xử phạt bị cáo Đặng Văn T 13 (mười ba tháng) tháng 09 (chín) ngày cải tạo không giam giữ; được khấu trừ thời gian tạm giam 04 (bốn) tháng 13 (mười ba) ngày tương đương 13 (mười ba tháng) tháng 09 (chín) cải tạo không giam giữ (bị cáo đã chấp hành xong).

Xử phạt bị cáo Nguyễn V là 13 (mười ba tháng) tháng 09 (chín) cải tạo không giam giữ; được khấu trừ thời gian tạm giam 04 (bốn) tháng 13 (mười ba) ngày tương đương 13 (mười ba tháng) tháng 09 (chín) ngày cải tạo không giam giữ (bị cáo đã chấp hành xong).

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 36; Điều 58 Bộ luật Hình sự; Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự.

Xử phạt bị cáo Cao Đăng V là 15 (mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ; được khấu trừ thời gian tạm giam 04 (bốn) tháng 13 (mười ba) ngày, tương đương 13 (mười ba tháng) tháng 09 (chín) ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 02 (hai) tháng 28 (hai mươi tám) ngày cải tạo không giam giữ.

- Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự:

Buộc các bị cáo Huỳnh Văn N, Lê Quang T, Bùi Văn H, Nguyễn Tấn Đ, Nguyễn Mạnh Đ, Hoàng Quốc V, Nguyễn Văn N, Phạm Xuân S, Đặng Văn T, Cao Đăng V, Nguyễn V mỗi bị cáo phải nộp 10.000.000 (mười triệu) đồng, để sung Ngân sách Nhà nước

Trả tự do cho bị cáo Cao Đăng V, Nguyễn V, Đặng Văn T ngay tại phiên tòa, nếu bị cáo không phạm tội phạm khác.

Giao bị cáo Nguyễn Văn N, Bùi Văn H, Hoàng Quốc V cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh H giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Giao bị cáo **Lê Quang T cho Ủy ban nhân dân xã C, huyện C, tỉnh H giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.**

Giao bị cáo Huỳnh Văn N cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh B giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Giao bị cáo Nguyễn Tấn Đ cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện M, tỉnh Q giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Giao bị cáo Nguyễn Mạnh Đ cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện H, tỉnh H giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Giao bị cáo Phạm Xuân S cho Ủy ban nhân dân xã C, huyện Y, tỉnh N giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Giao bị cáo Cao Đăng V cho Ủy ban nhân dân xã D, huyện D, tỉnh N giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án Hình sự.

Hủy bỏ lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 184/2019/HSST-LCĐKNCT, 185/2019/HSST-LCĐKNCT, 186/2019/HSST-LCĐKNCT, 187/2019/HSST-LCĐKNCT, 188/2019/HSST-LCĐKNCT, 189/2019/HSST-LCĐKNCT, 190/2019/HSST-LCĐKNCT và 191/2019/HSST-LCĐKNCT ngày 27/12/2019 của Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

2. Về xử lý vật chứng và áp dụng biện pháp tư pháp:

Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu nộp vào Ngân sách Nhà nước số tiền 13.940.000 đồng và 01 điện thoại di động hiệu Lanovo PB1 – 750M.

(Theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 26/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã D, tỉnh B).

3. Về án phí hình sự sơ thẩm:

Áp dụng 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Huỳnh Văn N, Lê Quang T, Bùi Văn H, Nguyễn Tấn Đ, Nguyễn Mạnh Đ, Hoàng Quốc V, Nguyễn Văn N, Phạm Xuân S, Đặng Văn T, Cao Đăng V, Nguyễn V, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Các bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Dĩ An;
- Chi cục THADS thị xã Dĩ An;
- Công an thị xã Dĩ An;
- Phòng PV 27 CA tỉnh BD;
- Phòng BC 81 CA tỉnh BD;
- Các bị cáo;
- UBND nơi các bị cáo cư trú;
- Lưu: VT, HSVA, THAHS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Hiền